CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tập đoàn EDX

Ngày 30/09/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.0%	**10.0%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
8.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.91|

LN thuần
Q3/25
4.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.74| -58.4%

LN sau thuế
Q3/25
4.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 567| 101%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
45.0%

ROE (TTM)
Q3/25

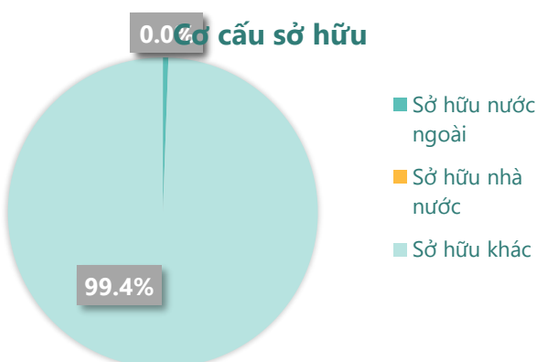
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,765
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	
EPS	
P/E	

DT thuần
9T 2025
8.91
tỷ VNĐ

LN thuần
9T 2025
13.9
tỷ VNĐ

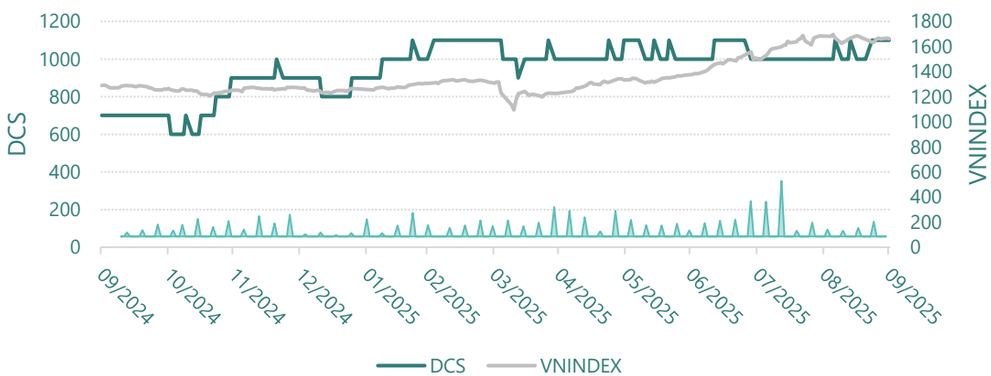
LN sau thuế
9T 2025
-559
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

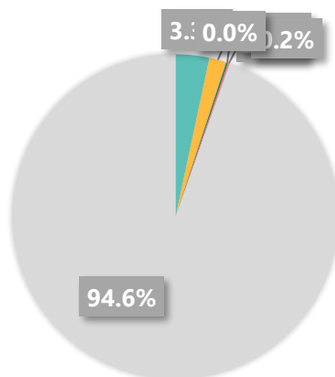


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



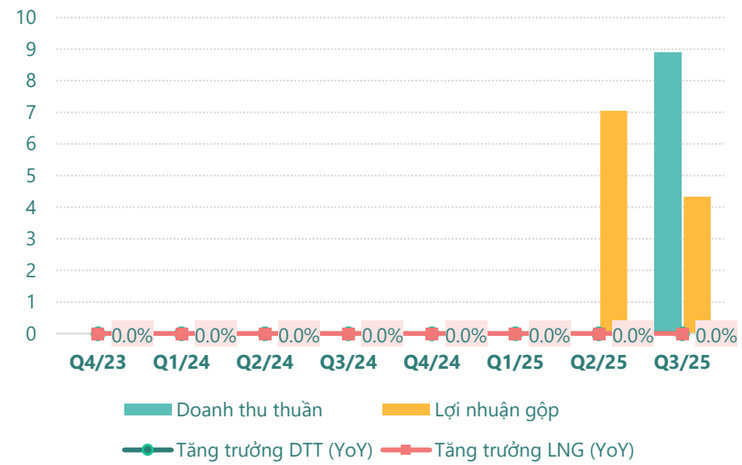
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

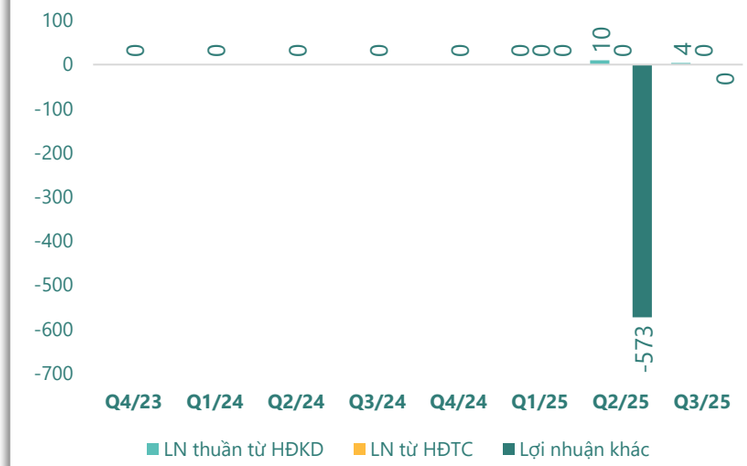
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



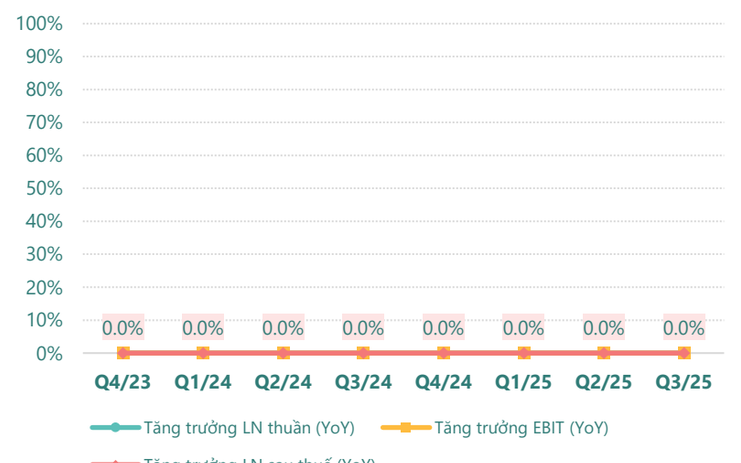
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



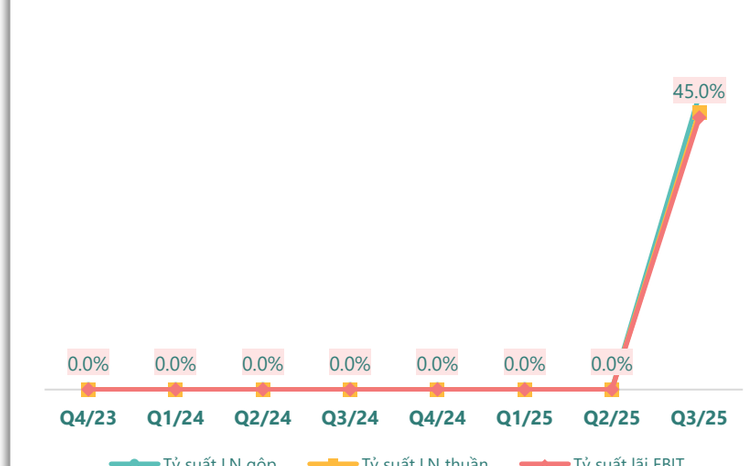
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



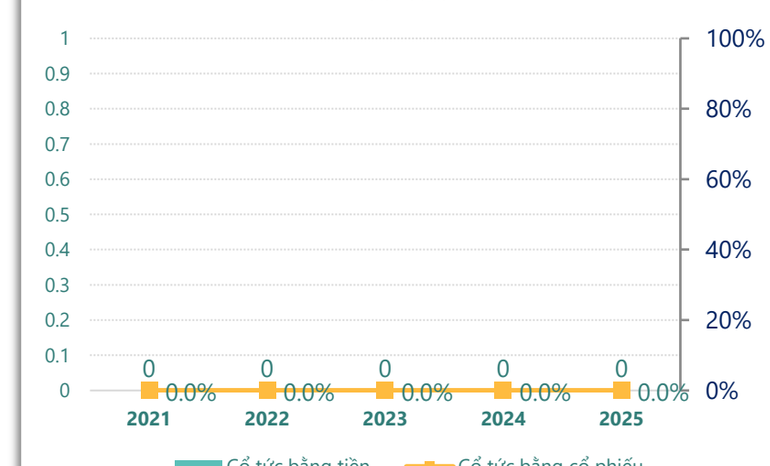
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

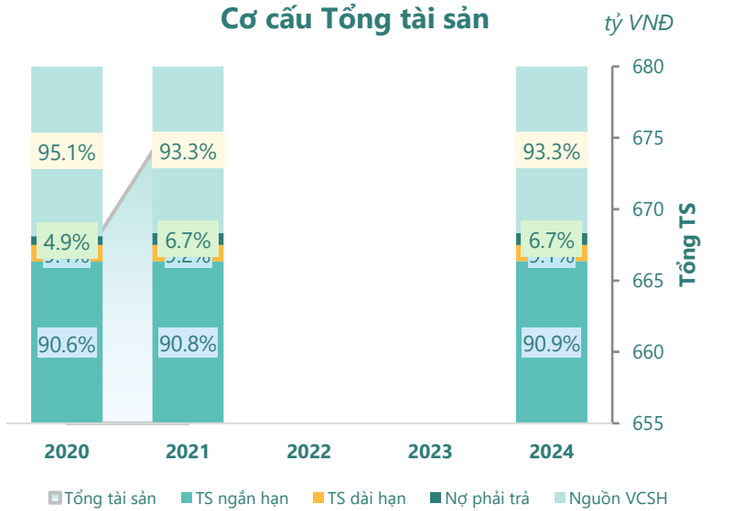
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

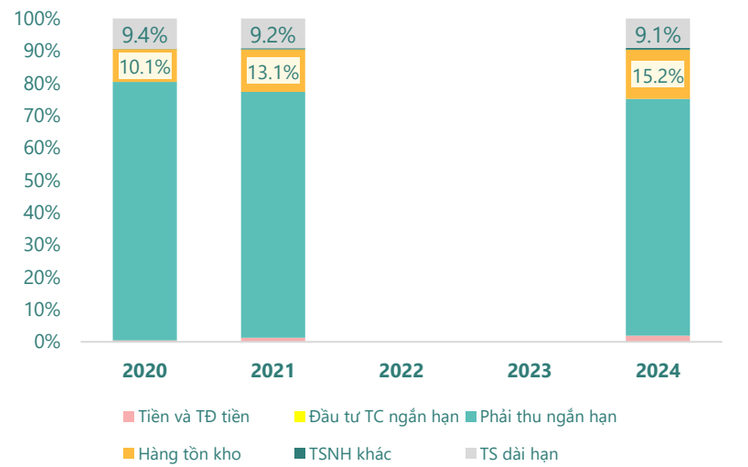
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



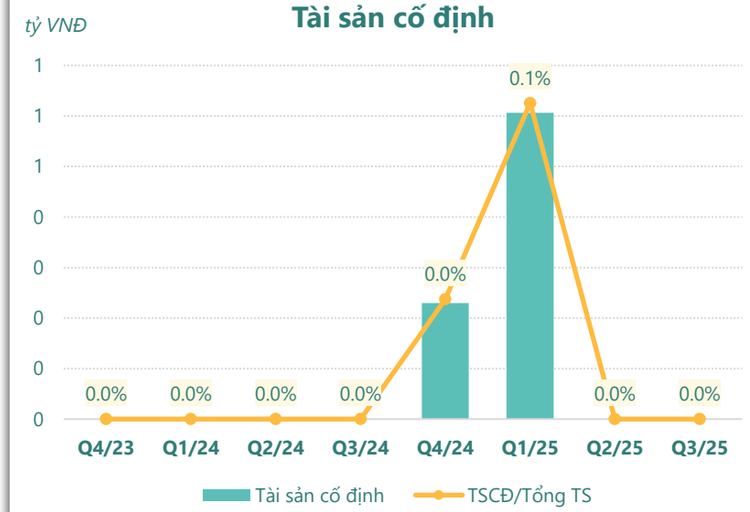
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



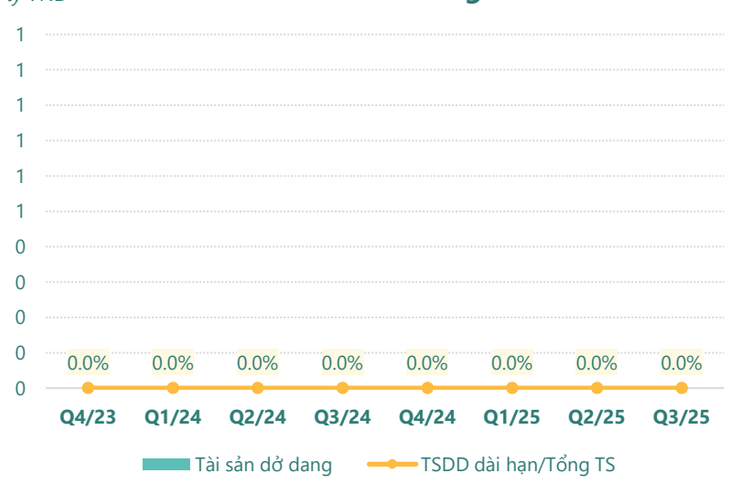
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



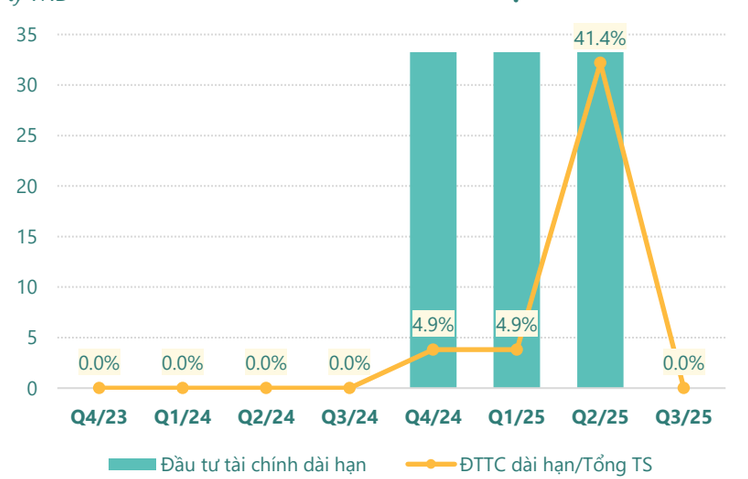
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



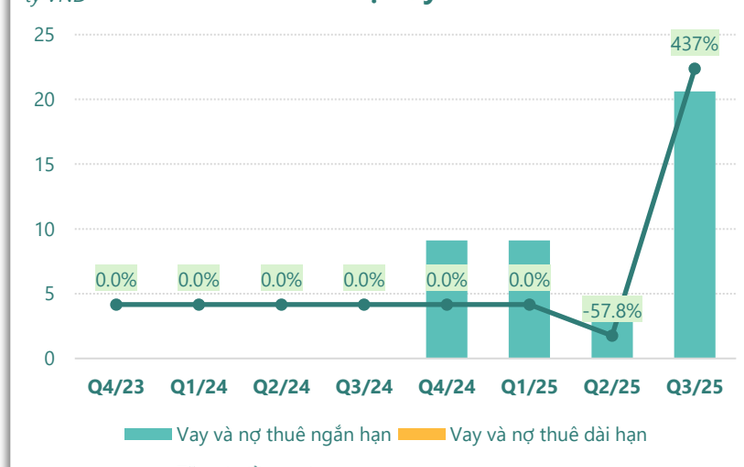
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

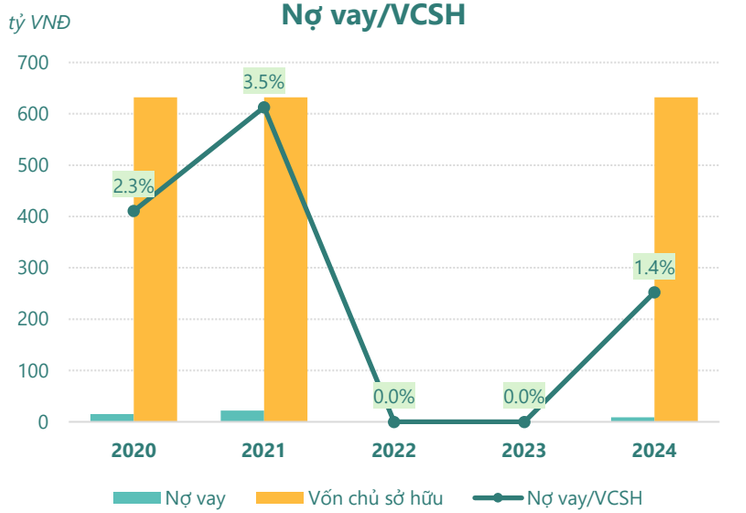
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

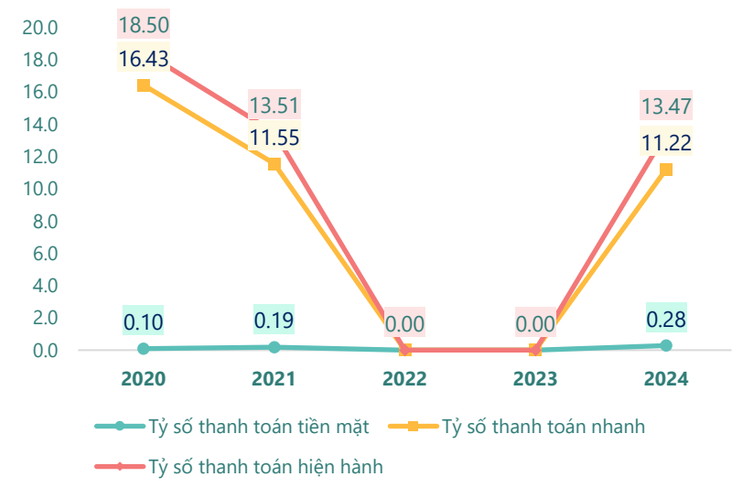
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



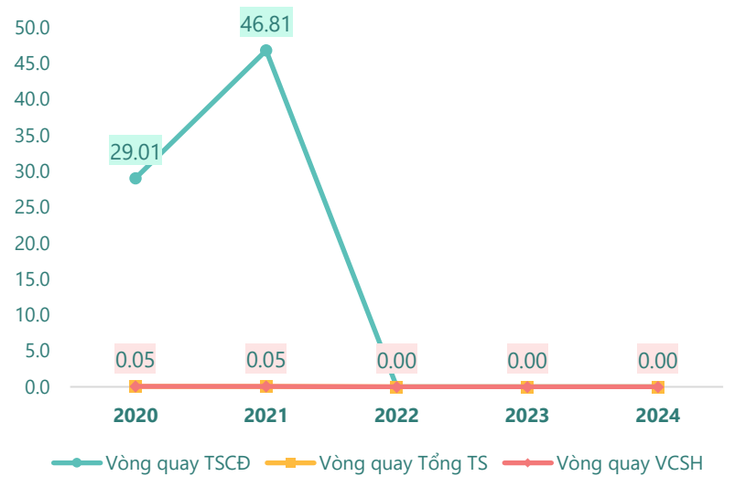
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



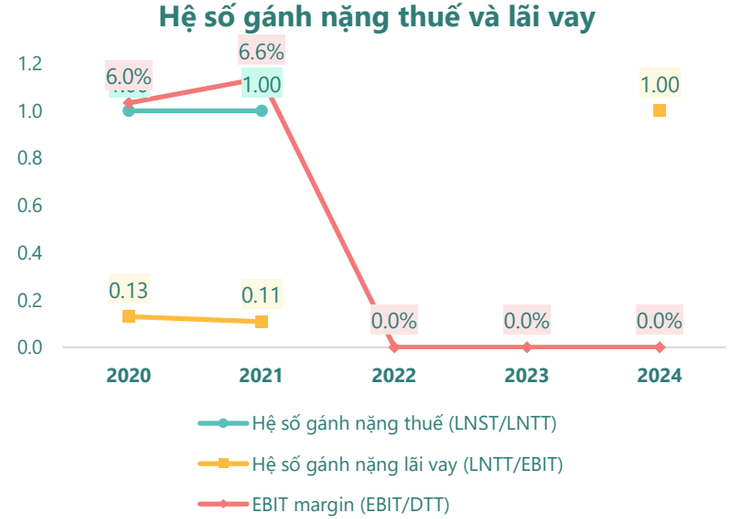
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



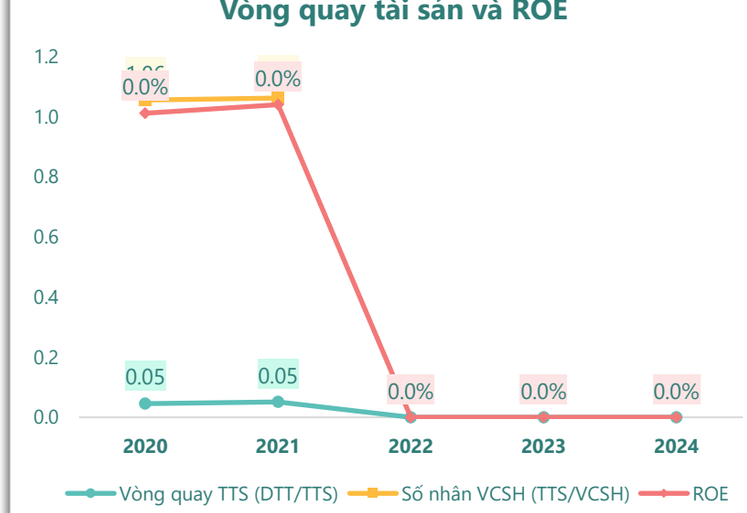
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



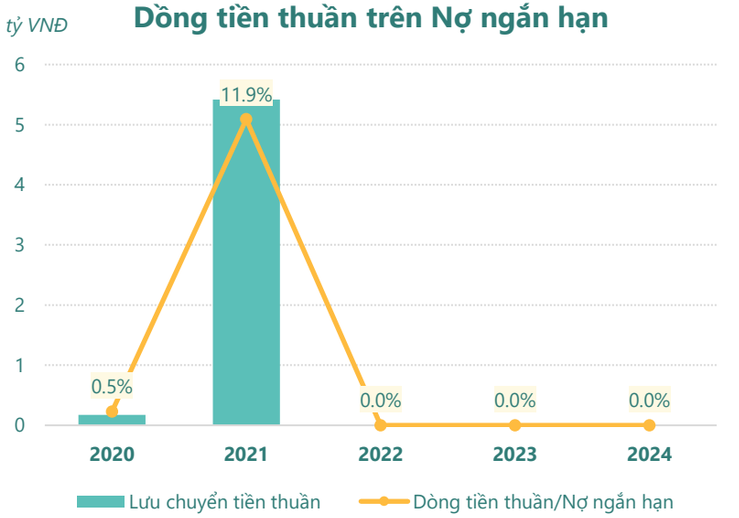
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.91**			**8.91**		
Giá vốn hàng bán	4.57			-2.47		
Lợi nhuận gộp	4.34			11.4		
Doanh thu HĐTC	0.00			0.00		
Chi phí TC	0			0		
Chi phí lãi vay	0			0		
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**		
Chi phí bán hàng	0			0		
Chi phí QLDN	**0.25**			**-2.53**		
LN thuần từ HĐKD	4.09			13.9		
Lợi nhuận khác	**-0.08**			**-573**		
LN trước thuế	4.01			-559		
Lợi nhuận sau thuế	**4.01**			**-559**		
LNST của CĐ cty mẹ	**4.01**			**-559**		

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	13.0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	13.0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**80.3**	**678**	**-88.2%**
Tài sản ngắn hạn	52.5	616	-91.5%
Tiền và tương đương tiền	3.22	13.0	-75.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.80	496	-99.4%
Hàng tồn kho	42.8	103	-58.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.65	3.76	-2.9%
Tài sản dài hạn	**27.8**	**61.7**	**-55.0%**
Phải thu dài hạn	0	0.50	-100%
Tài sản cố định	0	0.23	-100%
Bất động sản đầu tư	27.8	27.8	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	33.3	-100%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.2	45.7	-51.3%
Nợ ngắn hạn	**22.2**	**45.7**	**-51.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.6	9.10	126%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.36	26.0	-94.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**58.0**	**632**	**-90.8%**
Vốn chủ sở hữu	**58.0**	**632**	**-90.8%**
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)